

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo trình Kỹ thuật lái ô tô được biên soạn theo tinh thần ngắn gọn, dễ hiểu để phục vụ cho việc học tập của học sinh nghề Công nghệ ô tô tại trường Trung cấp nghề [REDACTED] và được Ban Giám Hiệu thông qua. Các kiến thức trong toàn bộ giáo trình có mối liên hệ logic chặt chẽ. Tuy nhiên, giáo trình cũng chỉ là một phần trong nội dung của chuyên ngành đào tạo cho nên người dạy, người học cần tham khảo thêm các giáo trình có liên quan đối với ngành học để việc sử dụng giáo trình có hiệu quả hơn.

Nội dung của giáo trình được biên soạn gồm 7 bài:

Bài 1: Luật giao thông đường bộ

Bài 2: Công tác kiểm tra an toàn

Bài 3: Thao tác tay lái và tay số

Bài 4: Thao tác điều khiển chân ly hợp, chân ga, chân phanh và phanh tay

Bài 5: Thực hành lái lái xe đi thẳng

Bài 6: Thực hành lái lái xe rẽ và quay đầu

Bài 7: Thực hành lái lái xe đi lùi

Mặc dù đã cố gắng và tham khảo nhiều ý kiến của các giáo viên nghề Công nghệ ô tô, nhưng chắc chắn việc biên soạn giáo trình không tránh khỏi sai sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của đồng nghiệp để giáo trình được hoàn chỉnh hơn.

BÀI 1: LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Mục đích:

- Nêu được các nội dung và yêu cầu cơ bản trong luật giao thông đường bộ.
- Nêu được các quy định về phương tiện giao thông đường bộ
- Nhận biết được các biển báo hiệu đường bộ
- Rèn luyện tính kỷ luật, cẩn thận, tỉ mỉ của học viên.

Nội dung:

1. Quy định về phương tiện giao thông

Điều 53. Điều kiện tham gia giao thông của xe cơ giới

1. Xe ô tô đúng kiểu loại được phép tham gia giao thông phải bảo đảm các quy định về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường sau đây:

- Có đủ hệ thống hãm có hiệu lực;
- Có hệ thống chuyển hướng có hiệu lực;
- Tay lái của xe ô tô ở bên trái của xe; trường hợp xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam thực hiện theo quy định của Chính phủ;
- Có đủ đèn chiếu sáng gần và xa, đèn soi biển số, đèn báo hãm, đèn tín hiệu;
- Có bánh lốp đúng kích cỡ và đúng tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại xe;
- Có đủ gương chiếu hậu và các trang bị, thiết bị khác bảo đảm tầm nhìn cho người điều khiển;
- Kính chắn gió, kính cửa là loại kính an toàn;
- Có còi với âm lượng đúng quy chuẩn kỹ thuật;
- Có đủ bộ phận giảm thanh, giảm khói và các trang bị, thiết bị khác bảo đảm khí thải, tiếng ồn theo quy chuẩn môi trường;
- Các kết cấu phải đủ độ bền và bảo đảm tính năng vận hành ổn định.

2. Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy đúng kiểu loại được phép tham gia giao thông phải bảo đảm các quy định về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, h, i và k khoản 1 Điều này.

3. Xe cơ giới phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.
4. Chính phủ quy định niên hạn sử dụng đối với xe cơ giới.
5. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới được phép tham gia giao thông, trừ xe cơ giới của quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 54. Cấp, thu hồi đăng ký và biển số xe cơ giới

1. Xe cơ giới có nguồn gốc hợp pháp, bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của Luật này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đăng ký và biển số.
2. Bộ trưởng Bộ Công an quy định và tổ chức cấp, thu hồi đăng ký, biển số các loại xe cơ giới; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và tổ chức cấp, thu hồi đăng ký, biển số các loại xe cơ giới của quân đội sử dụng vào mục đích quốc phòng.

Điều 55. Bảo đảm quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ

1. Việc sản xuất, lắp ráp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng và nhập khẩu xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ phải tuân theo quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Không được cải tạo các xe ô tô khác thành xe ô tô chở khách.
2. Chủ phương tiện không được tự thay đổi kết cấu, tổng thành, hệ thống của xe không đúng với thiết kế của nhà chế tạo hoặc thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
3. Xe ô tô và rơ moóc, sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô tham gia giao thông đường bộ phải được kiểm tra định kỳ về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây gọi là kiểm định).
4. Người đứng đầu cơ sở đăng kiểm và người trực tiếp thực hiện việc kiểm định phải chịu trách nhiệm về việc xác nhận kết quả kiểm định.
5. Chủ phương tiện, người lái xe ô tô chịu trách nhiệm duy trì tình trạng an toàn kỹ thuật của phương tiện theo tiêu chuẩn quy định khi tham gia giao thông đường bộ giữa hai kỳ kiểm định.
6. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, tiêu chuẩn và cấp giấy phép cho cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; quy định và tổ chức thực hiện kiểm định xe cơ giới.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định và tổ chức kiểm định xe cơ giới của quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 56. Điều kiện tham gia giao thông của xe thô sơ

1. Khi tham gia giao thông, xe thô sơ phải bảo đảm điều kiện an toàn giao thông đường bộ.
2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể điều kiện, phạm vi hoạt động của xe thô sơ tại địa phương mình.

Điều 57. Điều kiện tham gia giao thông của xe máy chuyên dùng

1. Bảo đảm các quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường sau đây:
 - a) Có đủ hệ thống hãm có hiệu lực;
 - b) Có hệ thống chuyên hướng có hiệu lực;
 - c) Có đèn chiếu sáng;
 - d) Bảo đảm tầm nhìn cho người điều khiển;
 - đ) Các bộ phận chuyên dùng phải lắp đặt đúng vị trí, chắc chắn, bảo đảm an toàn khi di chuyển;
 - e) Bảo đảm khí thải, tiếng ồn theo quy chuẩn môi trường.
2. Có đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.
3. Hoạt động trong phạm vi quy định, bảo đảm an toàn cho người, phương tiện và công trình đường bộ khi di chuyển.
4. Việc sản xuất, lắp ráp, cải tạo, sửa chữa và nhập khẩu xe máy chuyên dùng phải tuân theo quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.
5. Chủ phương tiện và người điều khiển xe máy chuyên dùng chịu trách nhiệm duy trì tình trạng an toàn kỹ thuật và kiểm định theo quy định đối với xe máy chuyên dùng khi tham gia giao thông đường bộ.
6. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, cấp, thu hồi đăng ký, biển số; quy định danh mục xe máy chuyên dùng phải kiểm định và tổ chức việc kiểm định; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng

Bộ Công an quy định và tổ chức việc cấp, thu hồi đăng ký, biển số và kiểm định xe máy chuyên dùng của quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

2. Quy định về người khi tham gia giao thông

2.1 Quy tắc chung khi tham gia giao thông:

- Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.

- Xe ô tô có trang bị dây an toàn thì người lái xe và người ngồi hàng ghế phía trước trong xe ô tô phải thắt dây an toàn.

2.2 Điều kiện của người lái xe tham gia giao thông.

Điều 58 Luật Giao thông đường bộ quy định:

1. Người lái xe tham gia giao thông phải đủ độ tuổi, sức khỏe quy định và có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe được phép điều khiển do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Người tập lái xe ô tô khi tham gia giao thông phải thực hành trên xe tập lái và có giáo viên bảo trợ tay lái.

2. Người lái xe khi điều khiển phương tiện phải mang theo các giấy tờ sau:

a) Đăng ký xe;

b) Giấy phép lái xe đối với người điều khiển xe cơ giới quy định tại Điều 59 của Luật này;

c) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới quy định tại Điều 55 của Luật Giao thông đường bộ;

d) Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

2.3 Một số hành vi bị nghiêm cấm khi tham gia giao thông.

Luật Giao thông đường bộ nghiêm cấm các hành vi sau đây:

1. Phá hoại đường, cầu, hầm, bến phà đường bộ, đèn tín hiệu, cọc tiêu, biển báo hiệu, gương cầu, dải phân cách, hệ thống thoát nước và các công trình, thiết bị khác thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Đào, khoan, xẻ đường trái phép; đặt, để chướng ngại vật trái phép trên đường; đặt, rải vật nhọn, đổ chất gây trơn trên đường; để trái phép vật liệu, phế thải, thải rác ra đường; mở đường, đầu nối trái phép vào đường chính; lấn, chiếm hoặc sử dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ; tự ý tháo mở nắp cống, tháo dỡ, di chuyển trái phép hoặc làm sai lệch công trình đường bộ.

3. Sử dụng lòng đường, lề đường, hè phố trái phép.

4. Đưa xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

5. Thay đổi tổng thành, linh kiện, phụ kiện xe cơ giới để tạm thời đạt tiêu chuẩn kỹ thuật của xe khi đi kiểm định.

6. Đua xe, cõ vũ đua xe, tổ chức đua xe trái phép, lạng lách, đánh võng.
7. Điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà trong cơ thể có chất ma túy.
8. Điều khiển xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.
Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở.
9. Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định.
Điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ không có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng.
10. Giao xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cho người không đủ điều kiện để điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ.
11. Điều khiển xe cơ giới chạy quá tốc độ quy định, giành đường, vượt ẩu.
12. Bấm còi, rú ga liên tục; bấm còi trong thời gian từ 22 giờ đến 5 giờ, bấm còi hơi, sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị và khu đông dân cư, trừ các xe được quyền ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định của Luật này.
13. Lắp đặt, sử dụng còi, đèn không đúng thiết kế của nhà sản xuất đối với từng loại xe cơ giới; sử dụng thiết bị âm thanh gây mất trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng.
14. Vận chuyển hàng cấm lưu thông, vận chuyển trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm, động vật hoang dã.
15. Đe dọa, xúc phạm, tranh giành, lôi kéo hành khách; bắt ép hành khách sử dụng dịch vụ ngoài ý muốn; chuyển tải, xuống khách hoặc các hành vi khác nhằm trốn tránh phát hiện xe chở quá tải, quá số người quy định.
16. Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định.
17. Bỏ trốn sau khi gây tai nạn để trốn tránh trách nhiệm.
18. Khi có điều kiện mà cố ý không cứu giúp người bị tai nạn giao thông.
19. Xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản của người bị nạn và người gây tai nạn.
20. Lợi dụng việc xảy ra tai nạn giao thông để hành hung, đe dọa, xúi giục, gây sức ép, làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông.
21. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp của bản thân hoặc người khác để vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ.
22. Sản xuất, sử dụng trái phép hoặc mua, bán biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

23. Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

2.4 Quy định về xử phạt hành chính khi vi phạm một số lỗi cơ bản trong tham gia giao thông theo quy định hiện hành

1. Lỗi vượt quá tốc.

Khoản 11 điều 8 Luật Giao thông đường bộ nghiêm cấm hành vi: “Điều khiển xe cơ giới chạy quá tốc độ quy định, giành đường, vượt ẩu”. Nếu người tham gia giao thông vi phạm quy định trên sẽ bị xử phạt. Cụ thể như sau:

- Điều 1, Nghị định 71/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2012 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, quy định xử phạt người điều khiển, người ngồi trên xe ô tô và các loại xe tương tự ô tô vi phạm quy tắc giao thông đường bộ như sau:

Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với người điều khiển xe vi phạm hành vi sau đây: Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h;

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển xe vi phạm hành vi sau đây: Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h;

Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người điều khiển xe vi phạm hành vi sau đây: Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 35 km/h;

- Điều 2, nghị định 71/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2012 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, quy định xử phạt người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ như sau:

Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với vi phạm sau đây: Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h;

Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với vi phạm sau đây: Điều khiển xe chạy dưới tốc độ tối thiểu trên những đoạn đường bộ có quy định tốc độ tối thiểu cho phép;

Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe: Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h;

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển xe vi phạm hành vi: Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h;

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với người điều khiển xe vi phạm hành vi: Điều khiển xe thành nhóm từ 2 (hai) xe trở lên chạy quá tốc độ quy định.

2. Lỗi sử dụng rượu, bia khi tham gia giao thông.

Khoản 8, Luật Giao thông đường bộ nghiêm cấm hành vi: “Điều khiển xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn. Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở” Mọi hành vi vi phạm quy định trên sẽ bị xử phạt. Cụ thể:

- Điều 2, Nghị định 71/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2012 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, quy định xử phạt người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ như sau:

Điểm b, khoản 5 quy định: Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển xe có hành vi: Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa tới mức vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 7, Điểm a Khoản 8 Điều này.

Điểm b, khoản 7 quy định: Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người điều khiển xe có hành vi: Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở;

Điểm a, điểm b khoản 8 quy định Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với người điều khiển xe có hành vi: Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở; và Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy, nồng độ cồn của người kiểm soát giao thông hoặc người thi hành công vụ.

- Điều 1, Nghị định 71/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2012 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, quy định xử phạt người điều khiển, người ngồi trên xe ô tô và các loại xe tương tự ô tô vi phạm quy tắc giao thông đường bộ như sau:

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển xe có hành vi: Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa tới mức vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 7, Điểm a Khoản 8 Điều này;

Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người điều khiển xe có hành vi: Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở;

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với người điều khiển xe có hành vi: Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở; hoặc Không

chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy, nồng độ cồn của người kiểm soát giao thông hoặc người thi hành công vụ.

3. Lỗi không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông.

Khoản 2 điều 30 Luật Giao thông đường bộ quy định: “Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách” Nếu có hành vi vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính như sau:

Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

Người điều khiển, người ngồi trên xe không đội mũ bảo hiểm hoặc đội mũ bảo hiểm không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ;

Chở người ngồi trên xe không đội mũ bảo hiểm hoặc đội mũ bảo hiểm không cài quai đúng quy cách, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;

4. Lỗi thiếu giấy tờ xe khi tham gia giao thông.

Điều 6, Nghị định 71/2012/NĐ-CP quy định: Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện của người điều khiển xe cơ giới.

1. Phạt cảnh cáo người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự mô tô hoặc điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô.

2. Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 120.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực;

b) Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy không mang theo Giấy đăng ký xe, Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (nếu có quy định phải kiểm định);

c) Người điều khiển xe mô tô không mang theo Giấy phép lái xe.

3. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Người điều khiển xe mô tô, các loại xe tương tự mô tô không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (nếu có quy định phải kiểm định) hoặc có nhưng đã hết hạn;

b) Người điều khiển xe ô tô, máy kéo không mang theo Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe, Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (nếu có quy định phải kiểm định).

4. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh từ 50 cm³ trở lên;

b) Người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực;

c) Người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô có Giấy phép lái xe nhưng đã hết hạn sử dụng dưới 6 (sáu) tháng.

5. Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô không có Giấy phép lái xe hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa, trừ các hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 7 Điều này.

6. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô.

7. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh từ 175 cm³ trở lên, xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô vi phạm một trong các hành vi sau đây:

a) Có Giấy phép lái xe nhưng không phù hợp với loại xe đang điều khiển hoặc đã hết hạn sử dụng từ 6 (sáu) tháng trở lên;

b) Không có Giấy phép lái xe hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa.

8. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây: Vi phạm Khoản 5, Điểm b Khoản 7 Điều này bị tịch thu Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa.”

3. Biển báo hiệu đường bộ

BIỂN BÁO CẤM

 101 ĐƯỜNG CẤM	 102 CẤM ĐI NGƯỢC CHIỀU	 103a CẤM ÔTÔ	 103b CẤM ÔTÔ RÈ PHẢI	 103c CẤM ÔTÔ RÈ TRÁI	 104 CẤM MÔTÔ
 105 CẤM ÔTÔ VÀ MÔTÔ	 106a CẤM XE TẢI	 106b CẤM XE TẢI TỪ 2,5 TẤN	 107 CẤM ÔTÔ KHÁCH VÀ ÔTÔ TÀI	 108 CẤM Ô TÔ KÉO MÓC	 109 CẤM MÁY KÉO
 110a CẤM XE ĐẠP	 110b CẤM XE ĐẠP THỎ	 111a CẤM XE GẮN MÁY	 111b CẤM XE LAM	 111c CẤM XE LÔI MÁY	 111d CẤM XE XÍCH LÔ
 112 CẤM NGƯỜI ĐI BỘ	 113 CẤM XE THÔ SƠ	 114 CẤM XE SÚC VẬT KÉO	 115 HẠN CHẾ TRỌNG LƯỢNG XE	 116 HẠN CHẾ TRỌNG LƯỢNG TRÊN TRỤC XE	 117 HẠN CHẾ CHIỀU CAO
 118 HẠN CHẾ CHIỀU NGANG	 119 HẠN CHẾ CHIỀU DÀI XE ÔTÔ	 120 HẠN CHẾ CHIỀU DÀI ÔTÔ KÉO MÓC	 121 CỬ LY TỐI THIỂU GIỮA HAI XE	 122 DỪNG LẠI	 123a CẤM RÈ TRÁI
 123b CẤM RÈ PHẢI	 124a CẤM QUAY ĐẦU	 124b CẤM Ô TÔ QUAY ĐẦU	 125 CẤM VƯỢT	 126 CẤM Ô TÔ TẢI VƯỢT	 127 TỐC ĐỘ TỐI ĐA CHO PHÉP



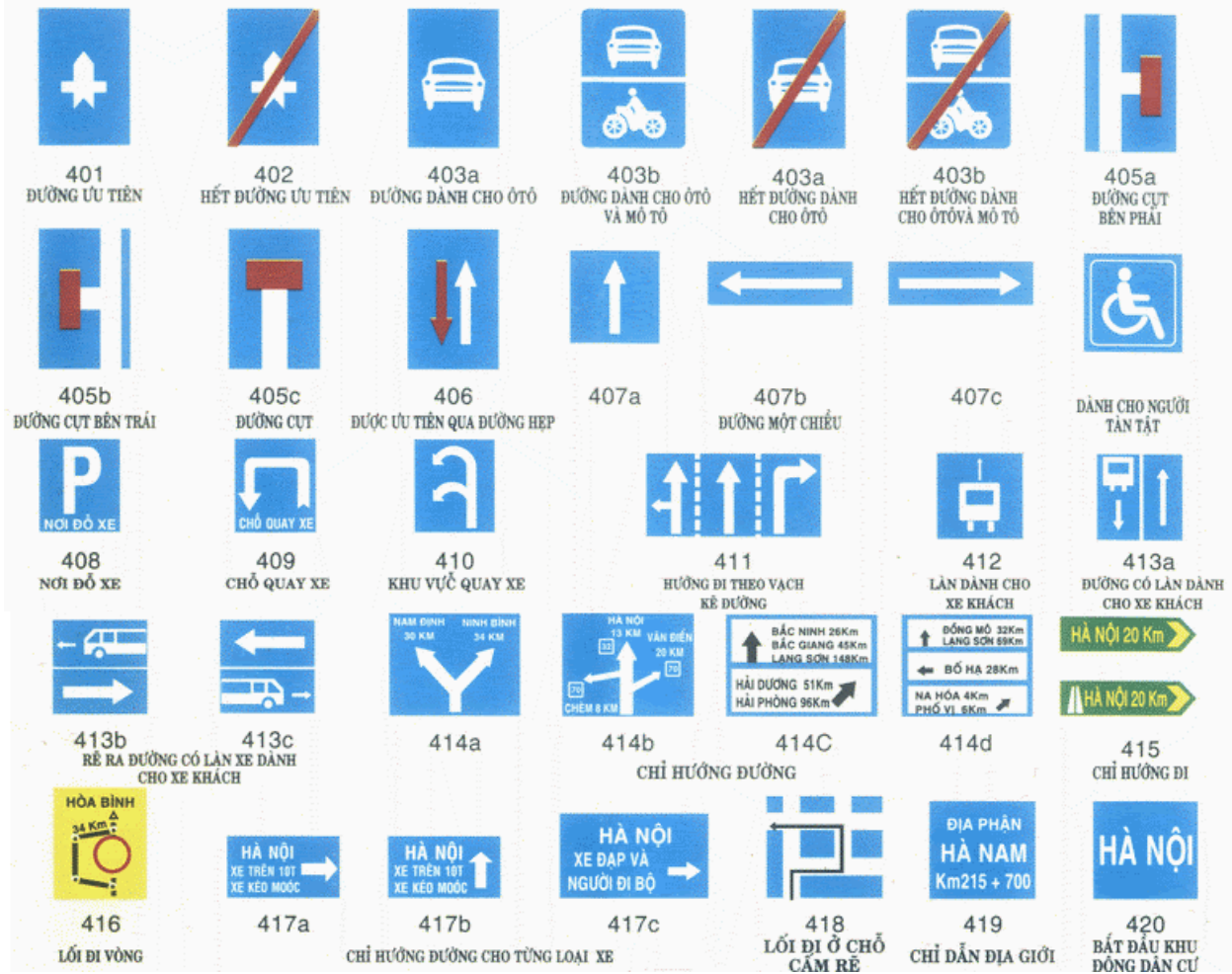
BIỂN BÁO NGUY HIỂM






















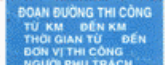





BIỂN HIỆU LỆNH





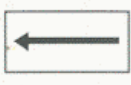















BIỂN CHỈ DẪN

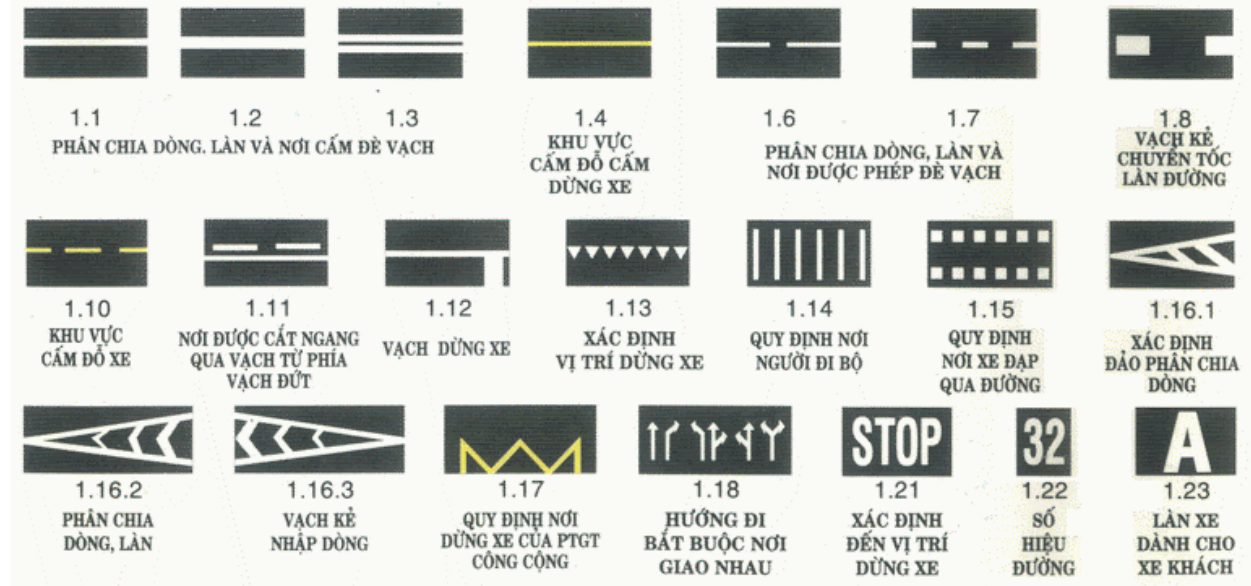


 BẮC NINH 31Km BẮC GIANG 51Km HÀ NỘI 421 HẾT KHU ĐỒNG DÂN CƯ	 VINH HẠ LONG 422 ĐI TÍCH LỊCH SỬ	 423a ĐƯỜNG ĐI BỘ	 423b ĐƯỜNG ĐI BỘ	 424a CẦU VƯỢT QUA ĐƯỜNG	 424b CẦU VƯỢT QUA ĐƯỜNG	 425 BỆNH VIỆN
 426 TRẠM CẤP CỨU	 427 TRẠM SỬA CHỮA	 428 TRẠM XĂNG	 429 NƠI RỬA XE	 430 ĐIỆN THOẠI	 431 CỬA HÀNG ÁN UỐNG	 432 KHÁCH SẠN
 433 NƠI NGHỈ MÁT	 434 BẾN XE BUÝT	 435 BẾN XE ĐIỆN	 436 TRẠM CẢNH SÁT GIAO THÔNG	 437 ĐƯỜNG CAO TỐC	 438 HẾT ĐƯỜNG CAO TỐC	 439 TỐC ĐỘ CHO PHÉP CHẠY TRÊN ĐƯỜNG CAO TỐC
 CẦU YÊN CHÂU LY TRÌNH KM QL CHIỀU DÀI CẦU CHIỀU RỘNG KHÔNG CHẾ CHIỀU CAO KHÔNG CHẾ 440 TÊN CẦU	 ĐOẠN ĐƯỜNG THI CÔNG TỪ KM ĐẾN KM THỜI GIAN TỪ ĐẾN ĐƠN VỊ THI CÔNG NGƯỜI PHỤ TRÁCH 441 ĐOẠN ĐƯỜNG THI CÔNG	 QUỐC LỘ 1 HÀ NỘI QUỐC LỘ 6 442 CẦU VƯỢT LIÊN THÔNG	 QUỐC LỘ 1 HÀ NỘI HÒA LẠC 443 CHỢ	 444 XE KÈO MỒC		

BIỂN PHỤ

 800m 501 PHẠM VI TÁC DỤNG CỦA BIỂN	 200m 502 KHOẢNG CÁCH ĐẾN ĐỐI TƯỢNG BÁO HIỆU	 503a	 503b	 503c	 503d	 503e	 503f	 504 LÀN XE
 505 LOẠI XE	 506 HƯỚNG ĐƯỜNG ƯU TIÊN	 507a 150M	 507b 100M	 507c 50M	 508 HƯỚNG RẼ	 509a CHỖ ĐƯỜNG SẮT CẮT ĐƯỜNG BỘ	 509b	 510 THUYẾT MINH BIỂN (CHIỀU CAO AN TOÀN) 4m

VẠCH KẼ ĐƯỜNG



CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Điều kiện tham gia giao thông của xe cơ giới?
2. Quy định về xử phạt hành chính khi vi phạm một số lỗi cơ bản trong tham gia giao thông theo quy định hiện hành?

BÀI 2: CÔNG TÁC KIỂM TRA XE AN TOÀN

Mục đích:

- Nêu được yêu cầu khi kiểm tra xe an toàn
- Thực hiện được các thao tác kiểm tra xe an toàn
- Rèn luyện tính kỷ luật, cẩn thận, tỉ mỉ của học viên.

Nội dung:

1. Kiểm tra trước khi khởi động động cơ.

- Kiểm tra bên ngoài xe , biển số , dụng cụ mang theo , giấy tờ và các trang bị khác .
- Kiểm tra lốp ,áp lực hơi lốp ,đai ốc bắt bánh xe (kể cả lốp dự phòng).
- Kiểm tra nước làm mát ,dầu máy,dầu bơm cao áp ,bầu lọc không khí, dây cu roa, máy nén khí quạt gió.

-Kiểm tra dây dẫn nến đánh lửa ...

-Kiểm tra tay lái ,bàn đạp côn,phanh ...

2. Kiểm tra sau khi khởi động động cơ.

- Quan sát táp lô đồng hồ xem hoạt động các đèn báo
- Kiểm tra các đèn tín hiệu, đèn phanh,còi...
- Kiểm tra hệ thống điều hòa
- Dây đai an toàn
- Bàn đạp phanh chân, cần phanh tay, ly hợp
- Kiểm tra các mức số của hộp số
- Lắng nghe tiếng động cơ nổ để phát hiện thất thường
- Kiểm tra gầm có hiện tượng chảy dầu, chảy nước hay không

3. Kiểm tra trước khi xe hoạt động.

Trước khi cho xe hoạt động trên đường phải kiểm tra sửa chữa các hư hỏng sau:

- Máy chạy không ổn định hoặc có tiếng kêu khác thường
- Chảy dầu ,chảy nhiên liệu ,chảy nước ,hở hơi .
- Tay lái không linh hoạt
- Phanh không đảm bảo tiêu chuẩn
- Hơi lốp không đảm bảo

4. Kiểm tra và bảo dưỡng sau một ngày hoạt động.

- Đèn, động cơ, gạt nước, hệ thống lái v.v.
- Lốp, hình dáng bên ngoài v.v
- Dầu động cơ, lọc dầu động cơ v.v.
- Hệ thống treo, ống xả v.v.
- Dầu động cơ, dầu trợ lực lái, nước làm mát chống đóng băng, dầu phanh v.v.
- Hãy tham khảo sách Hướng dẫn sửa chữa để biết thêm chi tiết về các hạng mục kiểm tra, bao gồm các giá trị tiêu chuẩn, mômen xiết và lượng dầu mỡ bôi trơn

BÀI 3: THAO TÁC TAY LÁI VÀ TAY SỐ

Mục đích:

- Nêu được bố trí các bộ phận trong buồng lái
- Thực hiện được tư thế lái xe và cách thao tác cơ cấu tay lái và tay số khi xe không nổ máy
- Rèn luyện tính kỷ luật, cẩn thận, tỉ mỉ của học viên.

Nội dung:

1. Các bộ phận trong buồng lái và chức năng.

Trong buồng lái xe ô tô có bố trí nhiều bộ phận để người lái xe điều khiển nhằm đảm bảo an toàn chuyển động cho xe ô tô. Những bộ phận chủ yếu học sinh bước đầu cần biết

1-Vô lăng lái;

2-Công tắc còi đèn;

3-Công tắc đèn (đèn pha, cốt, đèn xin đường và đèn xin vượt);

4-Khóa điện;

5-Bàn đạp ly hợp;

6-Bàn đạp phanh;

7-Bàn đạp ga;

8-Cần số;

9-Cần điều khiển phanh tay.

Ngoài những bộ phận chủ yếu nêu trên, trong buồng lái còn bố trí những bộ phận điều khiển khác như : Công tắc điều hòa nhiệt độ, công tắc radiô cát sét; công tắc rửa kính, công tắc gạt mưa, công tắc mở cốp, điều chỉnh gương chiếu hậu.

Trên những xe ô tô khác nhau, vị trí những bộ phận điều khiển trong buồng lái cũng không hoàn toàn giống nhau. Do vậy, người lái xe phải tìm hiểu khi tiếp xúc với từng loại xe ô tô cụ thể

❖ TÁC DỤNG CÁC BỘ PHẬN CHỦ YẾU TRONG BUỒNG LÁI:

- Vô lăng lái dùng để điều khiển hướng chuyển động của ô tô.
Vị trí của vô lăng lái trong buồng lái phụ thuộc vào quy định của mỗi nước. Khi quy định chiều thuận của chuyển động là bên phải (theo hướng đi của mình) thì vô lăng lái được bố trí ở phía bên trái (còn gọi là tay lái thuận). Khi quy định chiều thuận của chuyển động là bên trái thì vô lăng lái được bố trí ở phía bên phải (còn gọi là tay lái nghịch).
Trong giáo trình này chỉ giới thiệu loại “tay lái thuận” theo đúng Luật Giao thông đường bộ
- Công tắc còi điện dùng để điều khiển còi phát ra âm thanh báo hiệu cho người và phương tiện tham gia giao thông biết có xe ô tô đang chuyển động tới gần.
Công tắc còi điện thường được bố trí thuận lợi cho người lái xe sử dụng, như ở tâm vô lăng lái, hoặc ở gần vành của vô lăng lái

Công tắc đèn dùng để bật hoặc tắt các loại đèn trên xe ô tô, như đèn pha, cốt và các loại đèn chiếu sáng khác.

- Công tắc đèn loại điều khiển bằng tay (hình 1-4) được bố trí ở phía bên trái trên trục lái. Tùy theo loại đèn mà thao tác điều khiển chúng có sự khác nhau.

-Điều khiển đèn pha cốt : Việc bật hoặc tắt đèn pha, cốt được thực hiện bằng cách xoay núm điều khiển ở đầu công tắc. Núm điều khiển có ba nấc :

+Nấc “0” : Tắt cả các loại đèn đều tắt;

+Nấc “1” : Bật sáng đèn cốt (đèn chiếu gần), đèn kích thước, đèn hậu, đèn chiếu sáng bảng đồng hồ ...;

+Nấc “2” : Bật sáng đèn pha (đèn chiếu xa) và những đèn phụ nêu trên

-Điều khiển đèn xin đường : Khi cần thay đổi hướng chuyển động hoặc dừng xe cần gạt công tắc về phía trước hoặc phía sau (hình 1-5) để xin đường rẽ phải hoặc rẽ trái.

Khi gạt công tắc đèn xin đường thì đèn báo hiệu trên bảng đồng hồ sẽ nhấp nháy theo.

-Điều khiển đèn xin vượt : Khi muốn vượt xe, cần gạt công tắc đèn lên, xuống về phía vô lăng lái liên tục để nháy đèn pha báo hiệu xin vượt

Công tắc đèn pha, cốt loại điều khiển bằng chân thường được bố trí dưới sàn buồng lái phía bên trái bàn đạp ly hợp

Ổ khóa điện để khởi động hoặc tắt động cơ.

- Ổ khóa điện thường được bố trí ở bên phải trên vỏ trục lái, hoặc đặt ở trên thành bảng đồng hồ phía trước mặt người lái.

Khóa điện thường có bốn nấc (hình 1-7).

-Nấc “0” (LOCK) : Vị trí cắt điện;

-Nấc “1” (ACC) : Cấp điện hạn chế; vị trí động cơ không hoạt động nhưng vẫn cấp điện cho radio cát sét, bảng đồng hồ, châm thuốc ...;

-Nấc “2” (ON) : Vị trí cấp điện cho tất cả các thiết bị trên ô tô;

-Nấc “3” (START) : Vị trí khởi động động cơ. Khi khởi động xong chìa khóa tự động quay về nấc “2”.

- Bàn đạp ly hợp để đóng, mở ly hợp nhằm nối hoặc ngắt động lực từ động cơ đến hệ thống truyền lực. Nó được sử dụng khi khởi động động cơ hoặc khi chuyển số. Bàn đạp ly hợp được bố trí ở phía bên trái của trục lái

- Bàn đạp phanh để điều khiển sự hoạt động của hệ thống phanh nhằm giảm tốc độ, hoặc dừng hẳn sự chuyển động của ô tô trong những trường hợp cần thiết. Bàn đạp phanh được bố trí phía bên phải trục lái ở giữa bàn đạp ly hợp và bàn đạp ga
- Bàn đạp ga dùng để điều khiển độ mở của bướm ga (đối với động cơ xăng), thay đổi vị trí thanh răng của bơm cao áp (đối với động cơ diesel). Bàn đạp ga được sử dụng khi cần thay đổi chế độ làm việc của động cơ.

Bàn đạp ga được bố trí phía bên phải trục lái, cạnh bàn đạp phanh

- Cần số để điều khiển tăng hoặc giảm số cho phù hợp với sức cản chuyển động của mặt đường, để gài số mo “số 0” và gài số lùi trong những trường hợp cần thiết.

Cần số được bố trí ở phía bên phải của người lái

- Cần điều khiển phanh tay để điều khiển hệ thống phanh tay nhằm giữ cho ô tô đứng yên trên đường có độ dốc nhất định (thường sử dụng khi dừng hoặc đỗ xe). Ngoài ra còn sử dụng để hỗ trợ phanh chân trong những trường hợp thật cần thiết.

Cần điều khiển phanh tay được bố trí ở phía bên phải người lái

- Công tắc điều khiển gạt nước dùng để gạt nước bám trên kính. Công tắc này được sử dụng khi trời mưa, khi sương mù, hoặc khi kính chắn gió bị mờ.

Công tắc này thường có bốn nấc : nấc “0” là ngừng gạt; nấc “1” là gạt từng lần một; nấc “2” là gạt chậm; nấc “3” là gạt nhanh

Chú ý : Có thể kéo công tắc gạt nước lên trên để điều khiển việc phun nước rửa kính

- Các loại đồng hồ và đèn báo trong bảng đồng hồ : Bảng các loại đồng hồ và đèn báo được bố trí trước mặt người lái
 - Đồng hồ tốc độ : Biểu thị số Km xe ô tô chạy trong một giờ; trong đồng hồ có bộ phận hiển thị báo tổng quãng đường và quãng đường xe ô tô đã chạy;
 - Đồng hồ đo số vòng quay động cơ (vòng/phút);
 - Đồng hồ báo mức nhiên liệu;
 - Đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát.
 - Đèn phanh: nếu sáng báo hiệu đang hãm phanh tay hoặc thiếu dầu phanh
 - Đèn báo dầu máy: nếu sáng báo hiệu tình trạng dầu bôi trơn có vấn đề;
 - Đèn cửa xe: nếu sáng báo hiệu cửa xe đóng chưa chặt;
 - Đèn nạp ắc quy : nếu sáng báo hiệu việc nạp ắc quy có vấn đề.
- Một số bộ phận điều khiển khác :
 - Công tắc điều hòa nhiệt độ dùng để điều khiển sự làm việc của điều hòa nhiệt độ trong ô tô;

- Công tắc radio cát sét dùng để điều khiển sự việc của radio cát sét;
- Nút bấm để đóng mở tự động kính cửa sổ;
- Bộ phận điều khiển mở cốp sau, cốp trước (cabô);
- Bộ phận điều khiển mở nắp thùng nhiên liệu;
- Bộ phận điều chỉnh vị trí ghế lái, ghế khách ...

2. Tư thế lái xe

▪ Lên xe ô tô:

Trình tự đúng khi lên xe ô tô được trình bày trên hình 2-1.

-Kiểm tra an toàn : Trước khi lên xe ô tô, người lái xe cần quan sát tình trạng giao thông xung quanh, nếu thấy không có trở ngại, đặc biệt là phía sau thì mới mở cửa xe ở mức vừa đủ để người mình vào;

-Lên xe : Khi lên xe, nắm tay vào thành cửa, đưa chân phải vào trước, xoay người ngồi vào ghế lái rồi đưa chân trái vào. Đặt bàn chân phải dưới bàn đạp ga và chân trái dưới bàn đạp côn;

-Đóng cửa : Từ từ khép cửa lại, đến khi khe hở còn nhỏ thì đóng mạnh cho cửa thật khít;

-Cài chốt khóa cửa : Đóng chốt cửa để đề phòng tai nạn.

Đối với loại xe ô tô có bậc lên xuống, thì sau khi đã mở cửa, chân trái bước lên bậc lên xuống, dùng lực của hai tay kéo chân phải đẩy người đứng lên bậc lên xuống, đưa chân phải vào buồng lái, các động tác tiếp theo thực hiện giống như trên.

▪ Xuống xe ô tô:

Trình tự đúng khi xuống xe ô tô được trình bày

-Kiểm tra an toàn : Trước khi xuống xe ô tô cần thực hiện các động tác đỗ xe an toàn như tắt động cơ, kéo phanh tay ... rồi quan sát tình hình giao thông xung quanh xe ô tô;

-Mở cửa xe ô tô : Mở chốt khóa cửa, mở hé cánh cửa, dừng lại một lát để báo tín hiệu xuống xe cho các phương tiện khác biết, quan sát lại tình hình giao thông phía sau rồi mở cửa ở mức cần thiết để ra khỏi xe ô tô;

-Xuống xe ô tô : Tay trái giữ nguyên vị trí cửa đã mở, đưa chân trái xuống trước và mau chóng xoay người ra khỏi xe ô tô;

-Đóng cửa : Từ từ khép cửa, khi còn khoảng cách 10cm thì đóng mạnh cho cửa khít hẳn;

-Khóa cửa : Cần rèn thói quen khóa cửa để đề phòng trường hợp chìa khóa vẫn cắm trong ổ mà cửa đã đóng

Đối với loại xe ô tô có bậc lên xuống, thì sau khi mở cửa đưa chân trái xuống bậc lên xuống, tay trái nắm vào thành cửa xe, xoay người đưa chân phải ra khỏi buồng lái đặt xuống đất, đồng thời rời tay phải từ vành của vô lăng lái nắm vào thành buồng lái. Đưa chân trái xuống đất và đóng cửa xe chắc chắn.

Trong thực tế tùy theo hình dáng, kết cấu của từng loại buồng lái mà chọn động tác lên xuống xe ô tô cho phù hợp để đảm bảo đúng kỹ thuật và an toàn.

- Điều chỉnh ghế ngồi lái xe:

Tư thế ngồi lái xe có ảnh hưởng đến sức khỏe, thao tác của người lái xe và sự an toàn chuyển động của xe ô tô. Do vậy, cần phải điều chỉnh ghế lái cho phù hợp với tầm thước của mỗi người.

Việc điều chỉnh cho ghế lái dịch lên trên hoặc lùi xuống dưới được thực hiện bằng cách kéo cần điều chỉnh ở dưới gầm ghế (hình 2-3.1).

Việc điều chỉnh góc của đệm tựa được thực hiện bằng cách kéo cần điều chỉnh hoặc xoay núm điều chỉnh ở phía bên trái ghế lái

Sau điều chỉnh phải đảm bảo những yêu cầu sau :

-Chân đạp hết hành trình các bàn đạp ly hợp, phanh và ga mà đầu gối vẫn còn hơi chùng.

-2/3 lưng tựa nhẹ vào đệm lái;

-Có tư thế ngồi thoải mái, ổn định, hai tay cầm hai bên vành vô lăng lái, mắt nhìn thẳng về phía trước, hai chân mở tự.

Ngoài ra người lái xe cần chú ý sử dụng quần áo cho phù hợp để không ảnh hưởng đến các thao tác lái xe.

- Điều chỉnh gương chiếu hậu :

Người lái xe cần điều chỉnh gương chiếu hậu ở trong buồng lái và ở ngoài buồng lái (cả phía bên phải và bên trái) sao cho có thể quan sát được tình trạng giao thông ở phía sau, phía bên trái và bên phải của xe ô tô. Cần chú ý việc chỉnh gương trong lúc xe ô tô đang chuyển động là rất nguy hiểm

- Cài dây an toàn : Kéo dây an toàn để quàng qua người

3. Thao tác điều khiển vô lăng

Để dễ điều khiển hướng chuyển động của xe ô tô, người lái xe cần cầm vô lăng lái đúng kỹ thuật.

Nếu coi vô lăng lái như một chiếc đồng hồ thì tay trái nắm vào vị trí từ (9-10) giờ, tay phải nắm vào vị trí từ (2-4) giờ, bốn ngón tay ôm vào vành vô lăng lái, ngón tay cái đặt dọc theo vành vô lăng lái

Yêu cầu : Vai và tay thả lỏng tự nhiên, đây là tư thế thuận lợi để lái xe lâu không mệt mỏi và dễ thực hiện các thao tác khác.

Chú ý : Trong khoảng giới hạn nêu trên, tùy theo góc nghiêng vô lăng lái của từng loại xe người lái cần lựa chọn vị trí cầm cho phù hợp.

- Phương pháp điều khiển vô lăng lái:

Khi muốn cho xe ô tô chuyển sang hướng nào thì phải quay vô lăng lái sang hướng đó (cả tiến lẫn lùi). Mức độ quay vô lăng lái phụ thuộc vào mức yêu cầu chuyển hướng.

Khi xe ô tô đã chuyển hướng xong, phải trả lái kịp thời để ổn định hướng chuyển động mới.

Muốn quay vô lăng lái về phía bên phải thì tay phải kéo, tay trái đẩy theo chiều kim đồng hồ. Khi tay phải đã chạm vào sườn, nếu muốn lấy lái tiếp thì vuốt tay phải xuống dưới, đồng thời rời vô lăng lái để nắm vào vị trí (9-11) giờ. Tay trái tiếp tục đẩy vành vô lăng lái xuống dưới (Vị trí 5-6 giờ); đồng thời rời tay trái nắm vào vị trí (9-10) giờ.

Muốn quay vô lăng lái về bên trái thì tay trái kéo, tay phải đẩy ngược chiều kim đồng hồ. Khi tay trái đã chạm sườn, nếu muốn lấy lái tiếp thì vuốt tay trái xuống dưới (Vị trí 6-7 giờ), đồng thời rời vô lăng lái để nắm vào vị trí (1-3) giờ. Tay phải tiếp tục đẩy vành vô lăng lái xuống dưới (Vị trí 6-7 giờ), rời tay phải nắm vào vị trí (1-3) giờ.

Khi vào vòng gấp cần lấy nhiều lái thì các động tác lại lặp lại như trên

4. Thao tác điều khiển tay số

- Vị trí số của một số loại xe ô tô:

Các loại xe ô tô khác nhau thường có vị trí số khác nhau. Vị trí các số được ghi trên núm cần số. Khi lái loại xe nào cần phải tìm hiểu kỹ vị trí số của loại xe đó.

- Phương pháp điều khiển cần số :

Khi điều khiển cần số sẽ làm thay đổi sự ăn khớp giữa các bánh răng trong hộp số, làm thay đổi sức kéo và tốc độ chuyển động của xe ô tô.

Để chuyển số người lái xe đặt lòng bàn tay phải vào núm cần số, dùng lực của cánh tay đưa cần số từ số đang hoạt động về số “0”, rồi từ đó đưa cần số vào vị trí số phù hợp.

Trước khi vào số lùi (R) phải thực hiện thêm thao tác phụ để mở khóa hãm.

Chú ý : Khi đổi số có thể đạp ly hợp hai lần, đạp lần đầu để đưa cần số về số “0”, đạp lần hai để đưa cần số từ số “0” vào cửa số cần sử dụng (nhưng chú ý phải đạp liền kề).

Yêu cầu : Mắt nhìn thẳng, thao tác nhanh, dứt khoát, khi xong đưa tay về nắm vào vành vô lăng lái.

Dưới đây trình bày các thao tác chuyển số của hộp số có 5 số tiến và 1 số lùi :

-Từ số “0” sang số “1” : số “0” – không có bánh răng nào ăn khớp, xe ô tô không chuyển động. Số “1” – lực kéo lớn nhất nhưng tốc độ chậm nhất. Số “1” được dùng khi bắt đầu xuất phát hoặc khi leo dốc cao. Để chuyển từ số “0” sang số “1”, người lái xe kéo nhẹ cần số về phía cửa số “1” rồi đẩy vào số “1”

-Từ số “1” sang số “2” : số “2” – so với số “1” lực kéo nhỏ hơn nhưng tốc độ lớn hơn. Để chuyển từ số “1” sang số “2”, người lái xe kéo nhẹ cần số về số “0” sau đó đẩy vào số “2”.

-Từ số “2” sang số “3” : số “3” – so với số “2” lực kéo nhỏ hơn nhưng tốc độ lớn hơn. Để chuyển từ số “2” sang số “3”, người lái xe đẩy cần số về số “0”, sau đó đẩy vào số “3”.

-Từ số “3” sang số “4” : số “4” – so với số “3” lực kéo nhỏ hơn nhưng tốc độ lớn hơn. Để chuyển từ số “3” sang số “4”, người lái xe đẩy cần số về số “0”, sau đó đẩy vào số “4” .

-Từ số “4” sang số “5” : số “5” – so với số “4” lực kéo nhỏ hơn nhưng tốc độ lớn hơn. Để chuyển từ số “4” sang số “5”, người lái kéo cần số về số “0”, sau đó đẩy nhẹ sang cửa số 5 và đẩy vào số “5”

-Vào số lùi : Số lùi dùng khi lùi xe. Để vào số lùi, từ vị trí số “0” người lái xe kéo cần số về phía cửa số lùi, sau đó đẩy vào số lùi

- Một số xe ô tô có ly hợp số tự động.

Trên loại xe này không có bàn đạp ly hợp. Hệ thống số tròn hoặc tự động sẽ tự thực hiện các thao tác đóng, ngắt ly hợp và thao tác chuyển số. Chỉ khi tiến, lùi, leo dốc, dừng xe mới cần thao tác chuyển số của người lái xe.

P : Đỡ xe hoặc khởi động động cơ;

R : Số lùi;

N : Số “0” (khi khởi động động cơ có thể về số “0”, nhưng khởi động ở vị trí P là tốt nhất);

D : Số tiến dùng để chạy bình thường;

2 : Dùng khi phanh động cơ hoặc khi vượt dốc cao;

L : Dùng khi cần phanh động cơ với hiệu quả cao hoặc khi vượt dốc cao hơn.

Chú ý :

Khi gài số D để tiến (hoặc số R để lùi), phải giữ chặt chân phanh và kiểm tra lại xem có bị nhầm số không rồi mới được cho xe lăn bánh.

Khi dừng xe mà cài số P hoặc số N cần đạp phanh chân nếu không xe vẫn cứ tiến (hiện tượng xe tự chuyển động), trường hợp cần thiết phải kéo phanh tay cho an toàn.

Nếu xuống dốc dài phải cài số 2 hoặc số L.

Khi đỗ xe phải cài số P và kéo phanh tay.

Câu hỏi ôn tập

1. Thao tác điều khiển vô lăng ?
2. Thao tác điều khiển tay số?

BÀI 4: THAO TÁC ĐIỀU KHIỂN CHÂN LY HỢP, CHÂN GA, CHÂN PHANH VÀ PHANH TAY

Mục đích:

- Nêu được bố trí các bộ phận điều khiển bằng chân khi lái xe
- Thực hiện được kết hợp các thao tác khi khởi hành, chuyển số và dừng xe khi xe không nổ máy
- Rèn luyện tính kỷ luật, cẩn thận, tỉ mỉ của học viên.

Nội dung:

1. Thao tác điều khiển chân ly hợp

▪ Phương pháp đạp bàn đạp ly hợp:

- Khi đạp bàn đạp ly hợp thì sự truyền động lực từ động cơ đến hệ thống truyền lực bị ngắt. Đạp bàn đạp ly hợp (cắt ly hợp) được dùng khi xuất phát, khi chuyển số, khi phanh.

- Khi đạp bàn đạp ly hợp hai tay nắm vành vô lăng lái, người lái xe ngồi mắt nhìn thẳng phía trước, dùng mũi bàn chân trái đạp mạnh bàn đạp xuống sát sàn xe (gót chân không dính vào sàn xe). Lúc này sự truyền động lực từ động cơ đến hộp số đã bị ngắt.

- Yêu cầu đạp bàn đạp còn phải dứt khoát

Chú ý : Quá trình đạp bàn đạp ly hợp thường được chia làm 3 giai đoạn : Giai đoạn đạp hết hành trình tự do, giai đoạn đạp hết một nửa hành trình và giai đoạn đạp hết hành trình

▪ Nhả bàn đạp ly hợp :

- Nhả bàn đạp ly hợp là để nối truyền động từ động cơ đến hệ thống truyền lực. Để động cơ không bị chết đột ngột, xe ô tô chuyển động không bị rung giật, khi nhả bàn đạp ly hợp cần thực hiện theo trình tự sau :

- Khoảng 2/3 hành trình đầu nhả nhanh cho đĩa ma sát của ly hợp tiếp giáp với bánh đà

- Khoảng 1/3 hành trình sau nhả từ từ, để tăng dần mô men quay truyền từ động cơ đến hệ thống truyền lực.

Chú ý : Khi nhả bàn đạp ly hợp phải đặt chân xuống sàn xe, không nên thường xuyên đặt chân lên bàn đạp để tránh hiện tượng trượt ly hợp.

2. Thao tác điều khiển chân ga

Điều khiển bàn đạp ga nhằm duy trì hoặc thay đổi tốc độ chuyển động của xe ô tô cho phù hợp với tình trạng đường giao thông thực tế

▪ Động tác đặt chân lên bàn đạp ga :

Khi điều khiển ga, đặt 2/3 bàn chân phải lên bàn đạp ga, gót chân tỳ lên sàn buồng lái làm điểm tựa, dùng lực mũi bàn chân điều khiển bàn đạp ga

- Điều khiển ga khi khởi động động cơ :
 - Để khởi động động cơ cần tăng ga. Người lái xe dùng mũi bàn chân ấn bàn đạp ga xuống dưới cho đến khi động cơ hoạt động (nổ). Sau đó giảm ga để động cơ chạy ở chế độ không tải bằng cách từ từ nhấc mũi bàn chân, lò xo hồi vị sẽ đẩy bàn đạp ga về vị trí ban đầu.
- Điều khiển ga để xe ô tô khởi hành :

Ô tô đang đỗ có sức ỳ rất lớn, để khởi hành được phải tăng ga để tăng sức kéo.

Nếu tải trọng của xe ô tô hoặc sức cản của mặt đường càng lớn thì ga phải càng nhiều để động cơ không bị chết.
- Điều khiển ga để thay đổi tốc độ chuyển động của xe ô tô :
 - Điều khiển ga để tăng tốc độ chuyển động : Đạp ga từ từ để tốc độ của xe ô tô tăng dần
 - Điều khiển ga để giảm tốc độ chuyển động : Nhả ga từ từ, để tốc độ của xe ô tô giảm dần
 - Điều khiển ga để duy trì tốc độ chuyển động : Nhìn đồng hồ tốc độ, điều chỉnh bàn đạp ga để xe ô tô chạy với tốc độ đều. Nếu giữ nguyên bàn đạp ga, xe ô tô sẽ chạy lúc nhanh, lúc chậm tùy theo sức cản chuyển động của mặt đường
- Điều khiển ga để giảm số :

Khi chuyển từ số cao về số thấp, cần tăng ga (vù ga) để đảm bảo đồng tốc khi gài số, tránh hiện tượng kêu, kẹt hoặc sút mẻ răng của bánh răng trong hộp số.

3. Thao tác điều khiển chân phanh

- Đạp bàn đạp phanh :

Muốn đạp phanh phải chuyển chân phải từ bàn đạp ga sang bàn đạp phanh. Khi đạp phanh gấp, dùng mũi bàn chân đạp mạnh vào bàn đạp phanh, gót chân không để dính xuống sàn xe

Dẫn động phanh ô tô thường có 2 loại chủ yếu : phanh dầu và phanh khí nén.

 - Đối với dẫn động phanh khí nén : Từ từ đạp bàn đạp phanh cho đến khi tốc độ xe ô tô giảm theo ý muốn.

-Đối với dẫn động phanh dầu : Cần đạp phanh hai lần, lần thứ nhất đạp 2/3 hành trình bàn đạp và nhả ra ngay, lần thứ hai đạp hết hành trình bàn đạp.

- Nhả bàn đạp phanh :

Sau khi phanh, phải nhanh chóng nhấc chân khỏi bàn đạp phanh chuyển về bàn đạp ga.

- Điều khiển phanh tay:

Phanh tay sử dụng chủ yếu khi dừng, đỗ xe.

Khi có nhu cầu sử dụng phanh tay, dùng lực tay phải kéo cần điều khiển phanh tay hết hành trình về phía sau.

Khi không có nhu cầu sử dụng phải nhả phanh tay, dùng lực tay phải bóp khóa hãm đẩy tay nhanh về phía trước hết hành trình. Nếu khóa hãm bị kẹt cứng phải kéo phanh tay về phía sau một chút đồng thời bóp khóa hãm.

4. Thao tác khởi hành

Khởi động động cơ có hai cách : bằng tay quay và bằng máy khởi động.

a) Khởi động bằng máy khởi động :

Trình tự khởi động động cơ được thực hiện như sau :

-Kéo chặt phanh tay để giữ ô tô đứng yên;

-Đạp hết hành trình bàn đạp ly hợp

-Đưa cần số về vị trí số 0 (số mo)

-Đạp phanh để kiểm tra sự làm việc của hệ thống phanh;

-Đạp và giữ bàn đạp ga ở 1/3 hành trình đối với động cơ xăng và hết hành trình đối với động cơ diesel

-Vặn chìa khóa điện đến vị trí khởi động (START), khi động cơ đã nổ (nghe bằng tai hoặc động cơ nổ thì đèn khởi động tắt) lập tức buông tay chìa khóa sẽ tự trở về vị trí cấp điện (ON).

Chú ý :

-Mỗi lần khởi động không được quá 5 giây, sau ba lần khởi động mà động cơ không nổ thì phải dừng lại để kiểm tra hệ thống nhiên liệu và hệ thống đánh lửa sau đó mới tiếp tục khởi động.

-Nếu vừa xoay chìa khóa khởi động vừa đạp ga nhiều lần thì động cơ càng khó nổ.

-Nếu động cơ đã nổ mà tiếp tục xoay chìa khóa thì dễ hỏng máy khởi động.

Cách khởi động động cơ diesel :

- ①-Xoay chìa khóa đến vị trí cấp điện “ON” : đèn dư nhiệt bật sáng;
- ②-Đợi khi đèn dư nhiệt tắt, xoay chìa khóa sang nấc khởi động “START”

b) Khởi động bằng tay quay :

Trên một số loại xe ô tô có bố trí bộ phận khởi động bằng tay quay.

Khởi động động cơ bằng tay quay thường chỉ sử dụng khi ắc quy yếu, ô tô không khởi động được bằng khởi động điện.

Để đảm bảo an toàn trước khi khởi động động cơ bằng tay quay phải kéo chặt phanh tay, chèn xe chắc chắn, đưa cần số về vị trí số không, quay trục khuỷu quay từ 10-15 vòng để đưa dầu tới các bề mặt ma sát. Vặn chìa khóa điện theo chiều kim đồng hồ để nối mạch điện từ nguồn cung cấp cho các phụ tải, đạp ga khoảng 1/3 hành trình. Khi quay, người lái xe đứng chếch một góc 45⁰ so với đường tâm của tay quay, để tay quay ở phía dưới, hai tay nắm chắc tay quay và dật mạnh từ dưới lên. Nếu động cơ chưa nổ cần thực hiện lại những động tác nêu trên.

Chú ý : Khởi động động cơ bằng tay quay tốt nhất là có hai người, một người ngồi trên buồng lái, một người quay.

Phương pháp khởi hành (đường bằng) :

Một trong những vấn đề cơ bản trong kỹ thuật lái xe là khởi hành và dừng xe. Để khởi hành và dừng xe đúng kỹ thuật cần biết phối hợp nhịp nhàng giữa bàn đạp ga và bàn đạp ly hợp. Nếu sự phối hợp không tốt thì động cơ dễ bị chế hoặc bị rung giật.

Khi khởi hành (động cơ đang nổ) cần thực hiện các thao tác theo trình tự sau :

- Kiểm tra an toàn xung quanh xe ô tô
- Đạp ly hợp hết hành trình
- Vào số “1” : vào số chính xác
- Nhả phanh tay : khi đèn tắt là phanh tay đã nhả heat
- Kiểm tra lại độ an toàn xung quanh xe, báo hiệu bằng còi, đèn trước khi xuất phát
- Tăng ga ở mức đủ để xuất phát
- Nhả từ từ đến 1/2 hành trình bàn đạp ly hợp (nhả nửa ly hợp) và giữ trong khoảng 3 giây, sau đó vừa tăng ga vừa nhả hết ly hợp để cho xe ô tô chạy.

5. Thao tác tăng, giảm số

▪ Phương pháp giảm tốc độ :

+ *Giảm tốc độ bằng phanh động cơ :*

Khi xe ô tô đang chuyển động trên đường, muốn giảm tốc độ cần nhả hết bàn đạp ga để động cơ làm việc ở chế độ không tải. Lúc này quán tính và ma sát trong hệ thống sẽ làm giảm tốc độ chuyển động của ô tô. Biện pháp này gọi là phanh động cơ

Khi xuống dốc cao nguy hiểm hoặc chạy trên đường trơn lầy, để đảm bảo an toàn cần sử dụng phương pháp phanh động cơ. Khi phanh động cơ, càng gài số thấp hiệu quả phanh càng cao.

+ *Giảm tốc độ bằng phanh ô tô :*

-Phanh để giảm tốc độ : Nhả bàn đạp ga để phanh động cơ rồi chuyển chân từ bàn đạp ga sang bàn đạp phanh và đạp phanh với mức độ phù hợp để tốc độ ô tô giảm theo yêu cầu. Trường hợp này không nên cắt ly hợp.

-Phanh để dừng ô tô : nếu cách chướng ngại vật còn xa thì đạp phanh nhẹ; nếu cách chướng ngại vật quá gần phải đạp phanh gấp. Để động cơ không bị tắt, khi phanh phải cắt ly hợp.

+ *Giảm tốc độ bằng phương pháp phanh phối hợp :*

Khi ô tô chuyển động xuống dốc dài hoặc trên đường trơn lầy, để đảm bảo an toàn cần phối hợp vừa phanh động cơ (về số thấp), vừa phanh chân, thậm chí trong một số trường hợp nguy hiểm phải sử dụng cả phanh tay.

❖ Thao tác tăng số :

Khi xe ô tô chuyển động đến đoạn đường tốt, ít có chướng ngại vật thì có thể tăng số để tăng dần tốc độ chuyển động cho phù hợp với sức cản của mặt đường.

Phương pháp tăng số được thực hiện như sau :

-Đạp bàn đạp ga : đạp mạnh để tăng tốc (lấy đà);

-Đạp bàn đạp ly hợp, đồng thời nhả hết bàn đạp ga : nhắc hẳn chân khỏi bàn đạp ga

-Tăng số : Vào các số yêu cầu thao tác nhẹ nhàng

-Từ từ nhả bàn đạp ly hợp, đồng thời tăng ga

Chú ý :

- Từ số 1 sang số 2 : nhả ly hợp chậm;
- Từ số 2 sang số 3 : nhả ly hợp hơi nhanh;
- Từ số 3 sang số 4 : nhả ly hợp nhanh;
- Từ số 4 sang số 5 : nhả ly hợp nhanh;
- Cần tăng số theo thứ tự từ thấp đến cao.

❖ Giảm số :

Khi xe ô tô chuyển động đến đoạn đường xấu, đèo dốc (có sức cản chuyển động lớn) thì phải giảm số để tăng lực kéo cho xe ô tô.

Phương pháp giảm số được thực hiện như sau :

-Nhả bàn đạp ga, đạp bàn đạp ly hợp : đạp hết hành trình bàn đạp ly hợp, nhả hết ga;

-Đưa cần số về số 0;

Tăng ga và về số : Chuyển số dứt khoát

-Từ từ nhả bàn đạp ly hợp và từ từ tăng ga.

Chú ý :

-Cần giảm số theo thứ tự từ số cao đến số thấp;



-Thời điểm giảm số phù hợp là khi thấy động cơ hoạt động yếu đi (do tốc độ và số không phù hợp).

6. Thao tác dừng xe

Khi ô tô đang chạy trên đường, muốn dừng hẳn cần giảm tốc độ bằng cách đạp phanh và giảm số. Trình tự dừng xe thực hiện như sau :

- Kiểm tra an toàn xung quanh
- Ra tín hiệu dừng xe : bật xi nhan phải
- Kiểm tra lại an toàn, đặc biệt là phía sau
- Nhả bàn đạp ga
- Đạp phanh và tìm chỗ đỗ xe thích hợp

- Đạp ly hợp ghìm bàn đạp phanh : khi xe ô tô gần đến chỗ đỗ, cần đạp ly hợp cho động cơ khởi tắt, sau đó đạp phanh để cố định xe vào chỗ đỗ
- Kéo chặt tay phanh
- Cài số : đỗ ở đường bằng và dốc lên thì cài số “1”; đỗ ở đường bằng và dốc xuống thì cài số lùi
- Điều chỉnh vô lăng lái cho bánh xe trước hướng vào phía trong;
- Tắt động cơ;
- Nhả ly hợp;
- Nhả bàn đạp phanh;
- Rút chìa khóa, xuống xe và khóa cửa. Khi cần thiết thì chèn bánh xe

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Thao tác tăng và giảm số?
2. Thao tác điều khiển chân phanh, chân ga?

BÀI 5: THỰC HÀNH LÁI LÁI XE ĐI THẲNG

Mục đích:

- Nêu được phương pháp lái xe đi thẳng
- Thực hiện được việc lái xe đi thẳng khi không nổ máy và có nổ máy
- Rèn luyện tính kỷ luật, cẩn thận, tỉ mỉ của học viên.

Nội dung:

1. Phương pháp căn đường

- So sánh vị trí người lái xe trong buồng lái với một điểm chuẩn di chuyển tự chọn trên mặt đường, thường là điểm nằm trên trục tim đường.
- + Nếu người lái thấy vị trí của mình trùng sát với điểm chuẩn, tức là xe ô tô đã ở đúng hoặc gần đúng giữa đường.
- + Nếu thấy vị trí của mình lệch hẳn sang bên trái của điểm chuẩn, tức là xe ô tô đã ở bên trái đường và ngược lại.
- Xe ô tô cần chuyển động song song với trục tim đường, nếu bị lệch mà không chỉnh lại hướng xe ô tô sẽ lao ra khỏi mặt đường.
- Khi 2 xe ô tô tránh nhau cần phải chia đường làm 2 phần. Chia phần đường tương đương của xe mình ra làm 3 phần bằng nhau.
- Khi tránh ổ gà hay các chướng ngại vật cần căn đường theo vết bánh xe trước bên trái. Thường tâm của người lái và tâm vết bánh trước bên trái cách nhau khoảng 100mm - 150mm.

2. Thực hành lái xe đi thẳng khi không nổ máy

- Vị trí và tác dụng của các bộ phận điều khiển trên xe
- Kiểm tra an toàn trước khi lên xe
- Thao tác lên và xuống xe
- Cách điều chỉnh ghế, gương chiếu hậu, thắt dây an toàn
- Cầm và điều khiển vô lăng
- Đạp và nhả ly hợp, ga, phanh
- Cầm và điều khiển tay số
- Cầm và điều khiển phanh tay
- Thao tác và quy trình tăng giảm số

3. Thực hành lái xe đi thẳng khi có nổ máy

- Cách khởi động và tắt động cơ
- Cách quan sát, kiểm tra các loại đèn báo sáng, đồng hồ trên xe.
- Thao tác khởi hành xe
- Thao tác đánh trả lái
- Quy trình và thao tác tăng giảm số
- Phương pháp dừng xe trên đường bằng
- Phương pháp khởi hành và dừng xe trên bãi phẳng

- Phương pháp điều khiển xe đi thẳng ở cự ly ngắn
- Phương pháp và quy trình tăng giảm số khi xe đang chuyển động

Phương pháp quan sát khi đi thẳng ở chỗ đường giao nhau

- ① Quan sát tín hiệu đèn,
Quan sát xe bên trái,
- ② Quan sát chỉ dẫn trên mặt đường,
Quan sát tín hiệu đèn,
- ③ Quan sát xe phía trái đối diện,
Quan sát người đi bộ,
Đèn xanh đã sáng.

Cách quan sát các tín hiệu và biển báo giao thông (hình 3-14) : nhìn vào các biển báo hoặc đèn tín hiệu nếu có; không chỉ nhìn một điểm mà nhìn rộng, bao quát xem ô tô có được phép đi thẳng không.

Những sai sót thường gặp:

- Động tác vù ga quá lớn, không phù hợp với tốc độ của động cơ
- Đánh trả lái không đúng động tác
- Tăng giảm số không đúng cửa xảy ra hiện tượng kêu kẹt

Câu hỏi ôn tập

1. Thực hành lái xe đi thẳng khi không nổ máy
2. Phương pháp căn đường

BÀI 6: THỰC HÀNH LÁI LÁI XE RẼ VÀ QUAY ĐẦU

Mục đích:

- Nêu được phương pháp lái xe rẽ và quay đầu
- Thực hiện được việc lái xe rẽ và quay đầu khi không nổ máy và có nổ máy
- Rèn luyện tính kỷ luật, cẩn thận, tỉ mỉ của học viên.

Nội dung:

1. Phương pháp căn đường

- Căn đường là danh từ riêng để chỉ phương pháp xác định vị trí và đường đi của xe ô tô trên mặt đường.
- Phương pháp chủ yếu để căn đường là so sánh vị trí người lái xe trong buồng lái với một điểm chuẩn di chuyển tự chọn trên mặt đường, thường là điểm nằm trên trục tim đường.
- Nếu người lái xe thấy vị trí của mình trùng sát với điểm chuẩn, tức là xe ô tô đã ở đúng hoặc gần đúng giữa đường
- Nếu thấy vị trí của mình lệch hẳn sang bên trái của điểm chuẩn, tức là xe ô tô đã ở bên trái đường và ngược lại.
- Xe ô tô cần chuyển động song song với trục tim đường, nếu bị lệch mà không chỉnh lại hướng xe ô tô sẽ lao ra khỏi mặt đường
- Khi hai xe ô tô tránh nhau cần phải chia đường làm hai phần. Chia phần đường tưởng tượng của xe mình ra làm 3 phần bằng nhau và điều khiển ô tô đi

2. Thực hành lái xe rẽ và quay đầu khi không nổ máy

- Cầm và điều khiển vô lăng
- Đạp và nhả ly hợp, ga, phanh
- Cầm và điều khiển tay số
- Cầm và điều khiển phanh tay
- Thao tác và quy trình tăng giảm số
- Kết hợp điều khiển vô lăng lái, chân côn, ga, phanh, tăng giảm số theo đúng trình tự.

3. Thực hành lái xe rẽ và quay đầu khi có nổ máy

- Phương pháp tránh xe ngược chiều và chướng ngại vật trên đường
- Tránh nhau trên mặt đường hẹp
- Phương pháp cho xe sau vượt
- Phương pháp xin vượt xe chạy cùng chiều
- Phương pháp và quy trình dừng xe trên đường bằng.

Cách phán đoán tình hình giao thông ở chỗ đường giao nhau (hình 3-15) nếu có xe ngược chiều đang xin rẽ trái, để phán đoán xe nào được phép đi qua trước cần căn cứ vào quy tắc giao thông đường bộ, cự ly tính tới chỗ đường giao nhau

Cách chọn vị trí và tốc độ xe ô tô đi thẳng qua chỗ đường giao nhau:

- ① Đi sát vào mép phải
- ② Sẵn sàng xử lý chướng ngại vật
- ③ Quan sát an toàn
- ④ Từ từ tăng tốc độ

Xử lý khi xe trước rẽ phải:

- +Cho xe chạy chếch về phía tâm đường;
- +Đi vào bên trái của xe trước đang rẽ phải;
- +Nếu đèn lên vạch tim đường thì tạm dừng xe hoặc đi chậm lại.

Xử lý khi xe trước rẽ trái :

- +Cho xe chạy chếch về phía bên phải;
- +Đi vào bên phải của xe trước đang rẽ trái;
- +Trường hợp cần thiết thì tạm dừng xe hoặc đi chậm lại.

- Phương pháp quan sát khi rẽ phải ở chỗ đường giao nhau:

- ① Ra tín hiệu rẽ phải;
- ② Quan sát an toàn phía sau;
- ③ Đổi làn đường sang phải
(Chú ý chướng ngại vật ở phía phải);
- ④ Cách chỗ rẽ 30m phát tín hiệu rẽ phải, bám sát vào phía phải đường;
- ⑤ Giảm tốc độ và quan sát an toàn phía bên phải;
- ⑥ Tăng tốc độ hòa vào dòng chảy giao thông

Quan sát các tín hiệu và biển báo giao thông: nhìn vào các biển báo, đèn tín hiệu; không chỉ nhìn một điểm mà nhìn rộng, bao quát xem xe ô tô có được phép rẽ phải không; đi sát vào phía phải của đường.

Phán đoán tình hình giao thông ở chỗ đường giao nhau: nếu có xe đang đi chéo nhau hoặc có xe ngược chiều đang rẽ trái, để phán đoán xe nào được quyền đi qua trước ở chỗ đường giao nhau cần căn cứ vào quy tắc giao thông đường bộ và tốc độ, cự ly tính tới chỗ đường giao nhau; tùy tình hình mà nhường đường cho các xe khác.

Cách chọn vị trí và tốc độ xe ô tô rẽ phải qua chỗ đường giao nhau :

+Phía rẽ phải không có người đi bộ; không có xe rẽ phải

- ① Đi sát vào mép phải;
- ② Giảm tốc độ
- ③ Từ từ tăng tốc hòa vào dòng chảy giao thông

+Phía rẽ phải có người đi bộ, có xe rẽ phải, có xe rẽ trái

- ① Trường hợp đi bám theo xe trước rẽ phải cũng vẫn phải chú ý đến người đi bộ;
- ② Trường hợp có xe rẽ trái phải phán đoán xem xe nào được rẽ trước

- Phương pháp quan sát khi rẽ trái ở chỗ đường giao nhau:
 - ① Phát tín hiệu xin đổi làn;
 - ② Quan sát an toàn xung quanh đặc biệt là bên trái;
 - ③ Đổi làn đường sang trái (Chú ý chướng ngại vật ở phía trái);
 - ④ Cách chỗ rẽ 30m phát tín hiệu rẽ trái, giảm tốc độ;
 - ⑤ Cho xe chạy chậm tới phía trong của tâm đường giao nhau mới rẽ trái;
 - ⑥ Tăng tốc độ hòa vào dòng chảy giao thông.

Quan sát các tín hiệu và biển báo giao thông) : nhìn vào các biển báo, đèn tín hiệu; không chỉ nhìn một điểm mà nhìn rộng, bao quát xem xe ô tô có được phép rẽ trái không; tìm cách đổi làn.

Phán đoán tình hình giao thông ở chỗ đường giao nhau khi rẽ trái : nếu có xe đang đi chéo nhau hoặc có xe ngược chiều đi tới, có xe đang rẽ trái, rẽ phải cần phán đoán xem xe nào được phép đi qua trước ở chỗ đường giao nhau và xem có xe hai bánh hoặc người đi bộ ở các góc khuất của các xe đó không

Cách chọn vị trí và tốc độ xe ô tô rẽ trái qua chỗ đường giao nhau :

+Phía rẽ trái không có xe ngược chiều đi thẳng tới và không có xe rẽ phải

- ① Sớm đổi làn, bám vạch tim đường;
- ② Quan sát an toàn và tiến chậm vào giữa chỗ đường giao nhau;
- ③ Từ từ tăng tốc hòa vào dòng chảy giao thông.

+Phía đường rẽ trái có các xe ngược chiều rẽ phải và có người đi bộ

- ① Chú ý quan sát an toàn đặc biệt là đối với người đi bộ;
- ② Nếu thấy phức tạp, khó rẽ trái thì phải tạm thời dừng xe lại;
- ③ Không được gây ảnh hưởng tới các xe ngược chiều.

Ở những nơi đường giao nhau, nếu không có đèn tín hiệu hoặc không có người điều khiển giao thông, người lái xe muốn đi thẳng, rẽ phải hay rẽ trái, cần căn cứ vào quy tắc giao thông đường bộ và phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy để đảm bảo an toàn

- Phương pháp quay đầu xe

Để đảm bảo an toàn khi quay đầu, người lái xe phải quan sát và thực hiện các thao tác theo trình tự sau:

- Quan sát bản báo hiệu để biết nơi được phép quay đầu.
- Quan sát kỹ địa hình nơi để chọn quay đầu.
- Lựa chọn quỹ đạo quay đầu xe (tiến, lùi) cho thích hợp;
- Thực hiện quay đầu xe với tốc độ nhỏ nhất;
- Thường xuyên báo tín hiệu, tốt nhất có người báo hiệu ở phía sau;

Nếu quay đầu xe ở nơi có địa hình nguy hiểm thì đưa đầu xe về phía nguy hiểm đưa đuôi xe về phía an toàn và thực hiện tiến, lùi liên tục cho đến khi quay được đầu xe.

Chú ý : Khi dừng xe lại để tiến và lùi nên sử dụng cả phanh chân và phanh tay, nếu cần thiết chèn cả bánh xe để đảm bảo an toàn.

Những sai sót thường gặp:

- Động tác vù ga quá lớn, không phù hợp với tốc độ của động cơ
- Đánh trả lái không đúng động tác
- Tăng giảm số không đúng cửa xảy ra hiện tượng kêu kẹt
- Tăng giảm số bị choạng tay lái
- Thường nhìn xuống cần số và chân phanh
- Vào số không phù hợp với tốc độ
- Ngồi sai tư thế, quá gần hoặc quá xa, tay cầm lái chưa đúng cách

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Lái xe rẽ và quay đầu khi không nổ máy cần phải chú ý gì?
2. Phương pháp quan sát khi rẽ trái ở chỗ đường giao nhau

BÀI 7: THỰC HÀNH LÁI LÁI XE ĐI LÙI

Mục đích:

- Nêu được phương pháp lái xe đi lùi
- Thực hiện được việc lái xe đi lùi khi không nổ máy và có nổ máy
- Rèn luyện tính kỷ luật, cẩn thận, tỉ mỉ của học viên.

Nội dung:

1. Phương pháp căn đường

- Tìm người lái
- Tâm trực vô lăng
- Điềm di động
- Khoảng trống trong khả năng cho phép xe lùi

2. Thực hành lái xe đi lùi khi không nổ máy

Kiểm tra an toàn khi lùi xe ô tô :

Điều khiển xe ô tô chuyển động lùi khó hơn tiến vì :

- Không quan sát được chính xác phía sau;
- Khó điều khiển ly hợp;
- Tư thế ngồi lái không thoải mái.

Do vậy,việc chú ý đến an toàn khi lùi xe ô tô rất quan trọng. Phương pháp kiểm tra được thực hiện bằng các cách :

- Xuống xe quan sát;
- Nhìn ra xung quanh
- Mở cửa xe quan sát;
- Nhờ người khác chỉ dẫn.

Phương pháp lùi xe ô tô :

-Tư thế lái đúng khi lùi : Nắm tay vào phần trên của vô lăng lái; quan sát gương chiếu hậu; cho phép có thể ngoảnh hẳn mặt ra sau hoặc thò hẳn đầu ra ngoài để quan sát;

-Điều chỉnh tốc độ khi lùi : Vì phải điều khiển ô tô trong tư thế không thoải mái, khó phán đoán để thao tác chính xác, do vậy cần cho xe ô tô lùi thật chậm. Muốn cho xe chạy chậm, có thể lặp lại thao tác cắt, nhả ly hợp liên tục, hoặc thực hiện đạp nửa ly hợp, đồng thời giữ nhẹ chân ga;

-Đổi và chỉnh hướng khi lùi : Khi thấy xe ô tô đi chệch hướng, phải từ từ chỉnh lại tay lái, trường hợp cần thiết phải dừng lại rồi tiến lên để chỉnh lại hướng lùi.

3. Thực hành lái xe đi lùi khi có nổ máy

Phương pháp lái xe ô tô vào nơi đỗ :

- Ghép dọc (Lùi vuông góc) vào chỗ đỗ hẹp :

a) Dừng xe ở chỗ để lùi :

- Ngắm trước chỗ định lùi.

- Cách lề bên phải 0,7m tiến lên thật xa điểm A (hết khoảng cách khống chế để lùi vào nơi ghép xe dọc).

b) Lùi xe :

- Quan sát an toàn, cài số lùi;

- Đánh tay lái về bên trái sao cho bánh xe sau bên trái bám gần điểm A và tiếp tục lùi.

Những sai sót thường gặp:

- Tăng số hay bị choạng tay lái
- Động tác tăng số không đúng và sử dụng côn, ga, phanh không phù hợp
- Không quan sát biển báo trên đường
- Không giữ đúng khoảng cách với các xe đi trước

Câu hỏi ôn tập

1. Phương pháp lùi xe?
2. Những sai sót thường gặp?

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

- Vật liệu:

+ Xăng, dầu bôi trơn, nước làm mát

+ Giẻ sạch

- Dụng cụ và trang thiết bị:

+ Mô hình xe tập lái

+ Xe tập lái

+ Bãi tập xe

+ Phòng học lý thuyết, máy tính, máy chiếu

- Học liệu:

+ Sơ đồ cấu tạo của các bộ phận trên ô tô

+ Ảnh, CD ROM các loại đường và biển báo

+ Phiếu kiểm tra.

- Nguồn lực khác:

+ Bãi tập xe chuyên dùng.

V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Phương pháp kiểm tra, đánh giá khi thực hiện mô đun:

Được đánh giá qua bài viết, kiểm tra, vấn đáp hoặc trắc nghiệm, tự luận, thực hành trong quá trình thực hiện các bài học có trong mô đun về kiến thức, kỹ năng và thái độ.

2. Nội dung kiểm tra, đánh giá khi thực hiện mô đun:

- Kiến thức:

- +Nêu được các nội dung và yêu cầu cơ bản trong luật giao thông đường bộ.
- +Nêu được các quy định về phương tiện giao thông đường bộ
- +Nhận biết được các biển báo hiệu đường bộ
- +Phát biểu được các yêu cầu cơ bản trong kỹ thuật lái xe

-Kỹ năng:

- +Kiểm tra xe an toàn
- +Thao tác điều khiển tay lái, tay số, phanh tay, chân ly hợp, chân ga, chân phanh
- +Thực hiện được lái xe đi thẳng, rẽ và đi lùi khi không nổ máy và có nổ máy

-Thái độ:

- +Chấp hành nghiêm túc các quy định về kỹ thuật lái xe và luật giao thông
- +Có tinh thần trách nhiệm hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và đúng thời gian.

VI. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi áp dụng chương trình:

- Chương trình mô đun “Kỹ thuật lái xe” được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp nghề và Cao đẳng nghề Công nghệ ô tô.

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy mô đun:

- Mỗi bài học trong mô đun được hướng dẫn lý thuyết và rèn luyện kỹ năng tại mô hình xe tập lái hoặc trên xe

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Nội dung trọng tâm:

- +Luật giao thông đường bộ
- +Kiểm tra xe an toàn
- +Thực hành lái xe khi động cơ không nổ máy và động cơ có nổ máy

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Luật giao thông đường bộ
- Thực tập kỹ thuật lái xe
- Cục đường bộ Việt nam – Phương pháp dạy thực hành lái xe – Hà Nội, 2003

5. Ghi chú và giải thích (nếu cần)

Mục lục

BÀI 1: LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ.....	2
1. Quy định về phương tiện giao thông.....	2
2. Quy định về người khi tham gia giao thông.....	5
3. Biển báo hiệu đường bộ.....	11
BÀI 2: CÔNG TÁC KIỂM TRA XE AN TOÀN.....	16
1. Kiểm tra trước khi khởi động động cơ.....	16
2. Kiểm tra sau khi khởi động động cơ.....	16
3. Kiểm tra trước khi xe hoạt động.....	16
4. Kiểm tra và bảo dưỡng sau một ngày hoạt động.....	16
BÀI 3: THAO TÁC TAY LÁI VÀ TAY SỐ.....	17
1. Các bộ phận trong buồng lái và chức năng.....	17
2. Tư thế lái xe.....	20
3. Thao tác điều khiển vô lăng.....	21
4. Thao tác điều khiển tay số.....	22
BÀI 4: THAO TÁC ĐIỀU KHIỂN CHÂN LY HỢP, CHÂN GA, CHÂN PHANH VÀ PHANH TAY.....	25
1. Thao tác điều khiển chân ly hợp.....	25
2. Thao tác điều khiển chân ga.....	25
3. Thao tác điều khiển chân phanh.....	26
4. Thao tác khởi hành.....	27
5. Thao tác tăng, giảm số.....	29
6. Thao tác dừng xe.....	30
BÀI 5: THỰC HÀNH LÁI LÁI XE ĐI THẲNG.....	32
1. Phương pháp căn đường.....	32
2. Thực hành lái xe đi thẳng khi không nổ máy.....	32
3. Thực hành lái xe đi thẳng khi có nổ máy.....	32
BÀI 6: THỰC HÀNH LÁI LÁI XE RẼ VÀ QUAY ĐẦU.....	34
1. Phương pháp căn đường.....	34
2. Thực hành lái xe rẽ và quay đầu khi không nổ máy.....	34
3. Thực hành lái xe rẽ và quay đầu khi có nổ máy.....	34
BÀI 7: THỰC HÀNH LÁI LÁI XE ĐI LÙI.....	38

1.	Phương pháp căn đường.....	38
2.	Thực hành lái xe đi lùi khi không nổ máy.....	38
3.	Thực hành lái xe đi lùi khi có nổ máy.....	38